

Bản án số: **116/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 18/9/2025

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Bốn

2. Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị B, sinh năm 1994;

** Bị đơn:* Anh Bàn Văn T, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn Ng, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Ng, xã H, tỉnh Tuyên Quang).

(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Bàn Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã H) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 07/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Ng, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Ng, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, gia đình có khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thành do không tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài. Vì vậy chị đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn T theo quy định của pháp luật, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên là Bàn Văn C, sinh ngày 22/01/2014, hiện đang học lớp 6 tại Trường THCS Bằng Cốc; cháu Bàn Đăng Kh, sinh ngày 05/9/2017, hiện đang học lớp 3 Trường tiểu học Bằng Cốc. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Bàn Văn C, để anh T nuôi cháu Bàn Đăng Kh; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Bàn Thị B xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Bàn Văn T đến để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Bàn Văn D, trưởng thôn Ng, xã H và xác minh đối với ông Bàn Văn Q là bố chồng của chị Bàn Thị B. Kết quả thể hiện, chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Ng, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã H), tỉnh Tuyên Quang, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương; sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Ng, xã B (nay là xã Hàm Y), lúc đầu thì ở chung với bố mẹ chị B, sau một thời gian khoảng một năm thì anh chị về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh T được khoảng hai năm thì anh chị làm nhà ra ở riêng, những năm gần đây anh chị cùng đi làm công ty ở khu vực tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phú Thọ). Theo nắm bắt được của thôn và gia đình thì chị B, anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ vài năm nay, nguyên nhân do bất đồng tính cách, quan điểm sống, mặc dù cùng đi làm ở công ty nhưng vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, thôn và gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên là Bàn Văn C, sinh ngày 22/01/2014 và cháu Bàn Đăng Kh, sinh ngày 05/9/2017. Hiện cháu C ở cùng chị B và ông bà ngoại, cháu Kh ở cùng anh T và ông bà nội. Về khả năng, điều kiện nuôi con, chị B và anh T đều có khả năng nuôi con chung, mặc dù anh T bị khiếm khuyết (*mất một chân do bị tai nạn*) nhưng anh T vẫn đi làm được, hiện đang đi làm công nhân.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị B, anh T có nhà chung tại thôn Ngòi Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; chị B, anh T không có nợ chung.

Về địa chỉ nơi làm việc của anh T: Thôn và gia đình chỉ biết anh T đi làm ở công ty, địa chỉ cụ thể của anh T thôn không nắm được. Anh T có biết việc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang thụ lý vụ án ly hôn do chị B khởi kiện, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thôn, cũng như gia đình thông báo cho anh T biết để thực hiện. Tuy nhiên anh T có nói anh đang bận đi làm, anh không ly hôn nên không về để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn T.

Về con chung, căn cứ điều kiện, hoàn cảnh của chị B và anh T, cũng như nguyện vọng của các cháu; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bàn Văn C, sinh ngày 22/01/2014 cho chị Bàn Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bàn Đăng Kh, sinh ngày 05/9/2017 cho anh Bàn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Bàn Thị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bàn Thị B và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Bàn Thị Bình, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 07/4/2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân lâu, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc và tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị B, xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn T.

[2] *Về con chung*: Chị và anh T có hai con chung tên là Bàn Văn C, sinh ngày 22/01/2014 và cháu Bàn Đăng Kh, sinh ngày 05/9/2017. Hiện cháu C ở cùng chị Bình và ông ngoại, cháu Kh ở cùng anh T và ông bà nội. Tại biên bản lấy ý kiến con chung, cháu C có nguyện vọng muốn được ở cùng với chị B, cháu Kh có nguyện vọng ở với anh T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của các cháu, xét thấy

chị B, anh T đều có việc làm và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, do vậy giao mỗi người nuôi một con chung là phù hợp; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Chị B, anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bàn Văn T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt. Tại phiên tòa chị Bàn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[5] *Về án phí*: Chị Bàn Thị B là dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị B.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bàn Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 07 tháng 4 năm 2014 cho chị Bàn Thị B và anh Bàn Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Bàn Văn C, sinh ngày 22/01/2014 cho chị Bàn Thị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bàn Đăng Kh, sinh ngày 05/9/2017 cho anh Bàn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị B là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; anh Bàn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSNDKV2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Bích - Dương Thị ninh

Hoàng Cao Tiến

